

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-PT

Ngày: 06 - 02 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân, ông Vũ Văn Tú

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 427/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/QĐ-PT ngày 14/12/2023 giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Kim T; trú tại: Số F H, tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á; trú tại: Xóm B, thôn A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (Đều có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Vũ Trọng T2 – Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số H đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Vũ Duy T3; trú tại: Số F H, tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H; trú tại: Xóm D, thôn H, xã P (N là tổ dân phố G, thị trấn P), huyện K, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

- Anh Hoàng Văn C

- Anh Nguyễn Quốc T4

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (Đều vắng mặt).

Người làm chứng yêu cầu tại cấp phúc thẩm:

- Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lưu Văn N, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Duy H2, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà H1, ông N, ông H2 đều có đơn trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt).

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy T3 đều trình bày có nội dung:***

Vợ chồng chúng tôi cho ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á vay 01 tấn cà phê nhân xô (1.000kg cà phê nhân xô), hai bên có viết Giấy biên nhận đề ngày 07/01/2019, có chữ ký, chữ viết tên của ông T1, bà Á xác nhận nợ. Khi viết giấy biên nhận có mặt vợ chồng chúng tôi và vợ chồng ông T1, ông T3 là người ký vào giấy biên nhận, còn bà T không ký, người làm chứng là anh Hoàng Văn C, anh Nguyễn Quốc T4 cũng có mặt và ký vào giấy biên nhận.

Chúng tôi đã giao đủ số lượng cà phê, vì trước khi lập giấy biên nhận chúng tôi có đem cà phê đến sấy tại lò sấy của nhà ông T1, bà Á, sau khi sấy xong, xay ra cà phê nhân thì gửi lại nhà ông T1, bà Á. Khi ông T1, bà Á đề nghị vay thì chúng tôi đồng ý cho vay số cà phê nhân xô trên và sau đó hai bên viết giấy biên nhận nêu trên, thỏa thuận thời gian trả nợ trong vòng 04 năm, trả nợ lần 1 ngày 07/11/2019. Kể từ ngày viết giấy biên nhận cho đến nay, ông T1 và bà Á chưa trả bất kỳ số lượng cà phê nào nên chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà Á phải trả cho chúng tôi số lượng 1.000 kg cà phê nhân xô, không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc ông T1, bà Á cho rằng họ nợ bà H 01 tấn cà phê nhân xô, bà H còn nợ chúng tôi 01 tấn cà phê nhân xô, rồi bà H chuyển nợ của ông T1, bà Á tức là ông T1, bà Á sẽ thay bà H trả cho chúng tôi số lượng 01 tấn cà phê là không đúng sự thật. Khoản nợ giữa chúng tôi và bà H đã được giải quyết vào năm 2016 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2016/QĐST-DS ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, còn khoản nợ ông T1, bà Á vay của chúng tôi là năm 2019.

**** Bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á trình bày:***

Giấy biên nhận đề ngày 07/01/2019 là do ông Trần Đình T1 viết, còn chữ ký, chữ viết tên chỗ người viết giấy là của ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Ánh . Khi viết giấy biên nhận có mặt vợ chồng chúng tôi và bà T, có mặt người làm chứng là anh Hoàng Văn C, anh C có ký tên, lúc đó còn có bà Nguyễn Thị H nhưng bà H không ký. Còn người làm chứng anh Nguyễn Quốc T4 lúc đó có mặt hay không thì tôi không nhớ rõ nhưng trong giấy biên nhận có chữ ký của anh T4. Đối với ông Vũ Duy T3 là chồng bà T, có ký tại chỗ người cho vay thì ông T3 lúc viết giấy không có mặt, bà T đưa giấy biên nhận về cho ông T3 ký vào giấy biên nhận.

Theo nội dung của giấy biên nhận thì vợ chồng chúng tôi có vay bà T 01 tấn

cà phê nhân xô (tức là 1.000 kg cà phê nhân xô), hẹn trong vòng bốn năm sẽ trả đủ cho bà T, trong đó có phần bổ sung nội dung ngày trả nợ lần 1 là ngày 07/11/2019, mặc dù giấy biên nhận viết như vậy nhưng thực tế vợ chồng chúng tôi không vay bà T 01 tấn cà phê nhân xô nào. Chúng tôi thiếu nợ bà Nguyễn Thị H 01 tấn cà phê, còn bà H cũng nợ bà T 01 tấn cà phê nhân xô. Bà T yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không có điều kiện trả nên bà H nói vợ chồng tôi chuyển khoản nợ 01 tấn cà phê từ nợ bà H sang trả cho bà T, tức là chúng tôi sẽ trả 01 tấn cà phê cho bà T thay vì trả cho bà H. Nhưng sau đó việc tranh chấp nợ giữa bà T và bà H đã giải quyết xong tại Tòa án, bà H bị thi hành án và đã trả số nợ 01 tấn cà phê cho bà T, ông T3. Còn thời gian cụ thể việc bà T khởi kiện bà H chúng tôi không biết rõ, lúc lập giấy biên nhận nêu trên thì bà T đã khởi kiện bà H để đòi 01 tấn cà phê nên mới có việc chuyển nợ như trên, việc thỏa thuận chuyển nợ không được ghi trong giấy biên nhận vì là chỗ quen biết nên tin tưởng. Kể từ ngày lập giấy biên nhận ngày 07/01/2019, vợ chồng chúng tôi chưa trả cho bà T bất kỳ số lượng cà phê nào.

Sau khi lập giấy biên nhận thì các bên không thực hiện được thỏa thuận nên chúng tôi đã trả cho bà H 01 tấn cà phê mà tôi nợ bà H, khi chúng tôi trả nợ cho bà H thì có nói bà H đến gặp bà T để lấy lại giấy biên nhận ngày 07/01/2019 để đưa cho chúng tôi nhưng sau đó tôi được bà H báo lại là bà T đã làm mất giấy biên nhận.

Việc bà T dùng giấy biên nhận đề ngày 07/01/2019 để khởi kiện chúng tôi là không có căn cứ, vì vợ chồng chúng tôi không vay, không nhận 01 tấn cà phê nhân xô từ vợ chồng bà T, ông T3, trong năm 2019 ông T3, bà T không đem cà phê đến sấy tại lò sấy của gia đình chúng tôi, bà T không chứng minh được có việc giao nhận cà phê, số cân, mã cân, người cân, cà phê bao nhiêu độ nên chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Tôi có quen biết với vợ chồng ông T3 bà T và vợ chồng ông T1 bà Á, tôi có nợ bà T, ông T3 1.000 kg cà phê nhân xô. Số lượng cà phê này bà T, ông T3 đã khởi kiện vợ chồng tôi ra Tòa án nhân dân huyện Krông Búk và đã được giải quyết xong vào năm 2016, đã thi hành án. Khoảng đầu năm 2009, vợ chồng ông T1, bà Á có nợ của tôi 1.000 kg cà phê nhân xô.

Từ khi vay cho đến trước năm 2019 thì bà T, ông T3 không đòi nợ tôi, tôi cũng không đòi nợ ông T1, bà Á. Đến ngày 07/01/2019 thì ba bên gồm vợ chồng ông T3, bà T, vợ chồng ông T1, bà Á và tôi thống nhất là ông T1, bà Á sẽ trả nợ cho ông T3, bà T thay vì trả cho tôi. Lý do tôi không ký vào giấy nêu trên vì đã thỏa thuận chuyển nợ, thời điểm lập giấy biên nhận có anh T4, anh C làm chứng sự việc. Mặc dù các bên đã thỏa thuận như vậy, nhưng bà T, ông T3 vẫn khởi kiện ông T1, bà Á là không đúng, đến nay ông T1, bà Á đã trả xong cho tôi.

**** Người làm chứng anh Hoàng Văn C trình bày:***

Tôi xác định chữ ký, chữ viết tên Hoàng Văn C trong giấy biên nhận ghi ngày 07/01/2019, tại mục người làm chứng là của tôi. Theo nội dung tôi nghe các bên trao đổi thì có nghe nói là ông T1, bà Á có nhận nợ bà T, ông T3 số lượng 01

(một) tấn cà phê nhân xô. Số nợ cà phê này do bà H nợ ông T3, bà T trong khi ông T1, bà Á lại nợ bà H cũng 01 tấn cà phê nhân xô nên bà H chuyển nợ sang cho ông T1, bà Á trả cho ông T3, bà T. Khi tôi có mặt thì giấy biên nhận đã viết xong, tôi có đọc qua và đã ký ở chỗ người làm chứng, còn bà H không ký trong giấy biên nhận,

*** Người làm chứng anh Nguyễn Quốc T4 trình bày:**

Vào ngày 07/01/2019 tôi đến nhà ông T1, bà Á uống cà phê thì được ông T3, bà T, bà H, ông T1, bà Á nhờ làm chứng. Tại đây tôi được nghe các bên trao đổi với nội dung vợ chồng ông T1, bà Á có nợ bà H 01 tấn cà phê nhân xô, bà H nợ của vợ chồng bà T, ông T3 01 tấn cà phê nhân xô. Do vậy các bên thỏa thuận bà H chuyển nợ cho vợ chồng ông T1, bà Á có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T3, bà T 01 tấn cà phê nhân xô mà bà H nợ của vợ chồng ông T3, bà T. Việc vợ chồng ông T1, bà Á phải trả 01 tấn cà phê nhân xô cho bà T, ông T3 theo giấy biên nhận ngày 07/01/2019 là do bà H chuyển nợ sang cho ông T1, bà Á, không có việc ông T1, bà Á nợ của vợ chồng ông T3, bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T.

- Buộc bị đơn ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Á có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T số lượng 1.000 kg cà phê nhân xô.

2. Về lãi suất: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2023, bị đơn ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Á có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 296, điểm a khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trong hạn luật định. Người kháng cáo ông Trần Đình T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định; bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị H được miễn án phí nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đối với kháng cáo của bị đơn và đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà H.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á cho rằng, bị đơn không còn nợ cà phê của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy; Ngày 07/01/2019, ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á ký Giấy biên nhận (BL 105) thể hiện việc ông T1, bà Á vay ông Vũ Duy T3, bà Đỗ Thị Kim T 1.000 kg cà phê nhân xô, thoả thuận thời gian trả nợ trong vòng 04 năm, lần trả nợ đầu tiên vào ngày 07/11/2019, không có thoả thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1, bà Á thừa nhận đã tự viết giấy và ký tên vào “Giấy biên nhận đề ngày 07/01/2019” này, các bên đều thừa nhận là cà phê nhân xô, nên có cơ sở để xác định bị đơn có vay nguyên đơn 1000kg cà phê nhân xô. Đến thời hạn trả nợ nhưng ông T1, bà Á không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà Á phải có nghĩa vụ trả số lượng 1.000kg cà phê nhân xô cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Á có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Đỗ Thị Kim T số lượng 1.000 kg cà phê nhân xô là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á cho rằng, bị đơn ký giấy biên nhận ghi ngày 07/01/2019 là do có sự hoán đổi nghĩa vụ trả nợ cho bà H, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 05/01/2009, ông T3, bà T gửi cà phê tại đại lý của

bà H với số lượng là 513 kg, ngày 03/01/2010 tiếp tục gửi 510 kg, tổng là 1.023 kg cà phê nhân xô, khi bà H mất khả năng thanh toán thì bà T đã khởi kiện bà H, chồng bà H là ông Nguyễn Văn Q và số nợ giữa hai bên đã được Toà án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 05/2016/QĐST-DS ngày 06/4/2016, đồng thời bà H, ông Q đã thi hành án bằng Quyết định số 25/QĐ-CCTHADS ngày 30/5/2019 về việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Tại thời điểm năm 2016, bà H đã thừa nhận vay ông T3, bà T 1.023 kg cà phê nhưng tới ngày 07/01/2019, ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á mới ký giấy biên nhận vay ông T3, bà T 1.000 kg cà phê nhân xô. Xét thấy, hai khoản vay này được xác lập ở hai thời điểm khác nhau và hoàn toàn độc lập. Nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày có sự hoán đổi nghĩa vụ trả nợ từ bà H sang cho ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á, đồng thời còn cho rằng không có nhận cà phê từ ông T3, bà T là không có căn cứ.

[4] Tại cấp phúc thẩm bị đơn đề nghị triệu tập các nhân chứng là bà Trần Thị Thu H1, ông Lưu Văn N, ông Nguyễn Duy H2, các nhân chứng này đều cho rằng chưa bao giờ bán hoặc gửi cà phê tại nhà ông T1, bà Á và cũng không thấy ông T1, bà Á mua bán hoặc nhận gửi cà phê của người khác, đồng thời vay mượn giữa ông T1, bà Á với bà T là không có thật. Tại phiên toà phúc thẩm các nhân chứng đều vắng mặt, lời trình bày của các nhân chứng này là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên không chấp nhận.

[5] Từ các phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên buộc bị đơn ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Á có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Kim T và chồng bà là ông Vũ Duy T3 là người ký giấy cho vay số lượng 1.000 kg cà phê nhân xô, vì đây là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ông T3, bà T đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc vợ chồng ông T1, bà Á trả cho 1 mình bà T và ông T3 không có ý kiến gì.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Á phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T1, bà Nguyễn Thị Ánh .

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T.

Buộc bị đơn ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Á có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T số lượng 1.000 kg (*một ngàn kg*) cà phê nhân xô.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Đình T1 và bà Nguyễn Thị Á phải chịu 3.330.000 đồng (*Ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Đình T1 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004113 ngày 13/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông Trần Đình T1 đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm

- Bà Nguyễn Thị Á và bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Krông Búk;
- CCTHADS H. K;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr